

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-VPQH ngày 05/7/2019 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT



ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách, vận tải hàng hóa bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước qua kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị Quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn và các phương tiện cơ giới khác; áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại các Tờ trình số 256/TTr-SGTVT ngày 18/3/2022 và số 833/TTr-SGTVT ngày 13/9/2022 về việc ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 21 / 10 /2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Các doanh nghiệp kinh doanh VTHKCC bằng xe buýt (Sở GTVT sao gửi);
- VPUBTP: CVP, các PCVP, các phòng CV;
- Công GTĐT Thành phố;
- Trung tâm THCB;
- Lưu: VT, KTN.

47927 - 6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Quyền



QUY ĐỊNH

Tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 34 /2022/QĐ-UBND ngày 10 /10 /2022
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung về tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội (bao gồm xe buýt có trợ giá, không trợ giá, xe buýt nội tỉnh và xe buýt liên tỉnh).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội.
2. Các doanh nghiệp, hợp tác xã có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trong đó có loại hình kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định tham gia cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là đơn vị vận tải).
3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe buýt; Nhân viên phục vụ tại nhà chờ xe buýt nhanh (BRT).
4. Hành khách đi xe buýt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tuyến xe buýt là tuyến vận tải khách cố định bằng ô tô, có điểm đầu, điểm cuối và các điểm dừng đón, trả khách theo quy định.
 - a) Tuyến xe buýt có trợ giá bao gồm tuyến xe buýt nội tỉnh và tuyến xe buýt liên tỉnh được Thành phố hỗ trợ một phần chi phí vận hành;
 - b) Tuyến xe buýt không trợ giá bao gồm tuyến xe buýt nội tỉnh và tuyến xe buýt liên tỉnh do đơn vị vận tải tự kinh doanh, hạch toán theo quy định.
2. Điểm đầu, điểm cuối của tuyến xe buýt là nơi bắt đầu, kết thúc của một hành trình xe chạy trên một tuyến.
3. Biểu đồ chạy xe là tổng hợp hành trình, lịch trình chạy xe của các chuyến xe theo chu kỳ trong một khoảng thời gian nhất định.
4. Vé xe buýt là chứng từ để hành khách sử dụng dịch vụ vận tải hành



khách công cộng bằng xe buýt.

5. Lệnh vận chuyển là chứng từ để ghi chép hành trình, lịch trình chạy xe theo từng lượt xe do đơn vị vận tải tự in ấn, phát hành theo quy định.

6. Thiết bị giám sát hành trình là thiết bị điện tử được lắp trên xe ô tô để ghi, lưu trữ và truyền phát các thông tin bắt buộc liên quan trong hành trình của xe ô tô.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Lệnh vận chuyển

1. Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 30 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT).

2. Đơn vị vận tải có trách nhiệm in, quản lý, cấp và kiểm tra việc sử dụng Lệnh vận chuyển. Lệnh vận chuyển phải được ký xác nhận của lãnh đạo đơn vị và đóng dấu của đơn vị vận tải, trước và sau mỗi lượt xe phải ký tên xác nhận của nhân viên điều hành đầu, cuối tuyến xe buýt (trừ trường hợp kiểm soát chuyển lượt qua thiết bị giám sát hành trình).

3. Đơn vị vận tải thực hiện lưu trữ lệnh vận chuyển (hoặc dữ liệu khi áp dụng phần mềm) theo đúng quy định và truyền dữ liệu về Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội khi thực hiện áp dụng việc quản lý lệnh vận chuyển qua phần mềm.

Điều 5. Quản lý, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm quản lý, đầu tư xây dựng hoặc xã hội hóa đầu tư xây dựng, bảo trì toàn bộ hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố.

2. Điểm dừng xe buýt

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT;

b) Tại mỗi điểm dừng phải có vạch sơn, biển báo hiệu điểm dừng xe buýt theo quy định; Ưu tiên bố trí các điểm dừng ở những nơi đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo an toàn giao thông, thuận lợi kết nối và có phát sinh nhu cầu giao thông cao;

c) Riêng các bệnh viện, trường học và các khu vực có nhu cầu đi lại của hành khách, có địa điểm thuận lợi, có thể bố trí thêm điểm dừng, nhà chờ đến gần cửa ra vào, phải đảm bảo an toàn giao thông của khu vực và được Sở Giao thông vận tải cấp phép. Tại các đường không có dải phân cách giữa, điểm dừng, nhà chờ không được đặt đối diện nhau, phải cách nhau tối thiểu 25 mét. Khoảng cách giữa các điểm dừng, nhà chờ trên các tuyến phục vụ cho các đối tượng theo

đề nghị của cơ quan có thẩm quyền do Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định. Điểm dừng, nhà chờ xe buýt phải bố trí cách giao lộ (ngã ba, ngã tư) tối thiểu 30 mét;

d) Điểm dừng không được che chắn hoặc ảnh hưởng đến các biển báo giao thông, đèn tín hiệu giao thông, các trụ nước cứu hỏa, các công trình dành riêng cho người khuyết tật, các công trình ngầm của các ngành viễn thông, truyền thông, điện lực, cấp thoát nước, trong phạm vi an toàn của đường sắt (trường hợp nằm trong phạm vi an toàn đường sắt phải có thỏa thuận với cơ quan quản lý đường sắt), trước công và trong phạm vi 5 mét hai bên công trụ sở cơ quan, tổ chức; Điểm dừng xe buýt không được lắp đặt tại những khu vực quân sự, khu vực mục tiêu cần bảo vệ an ninh trật tự, an toàn giao thông. Không được bố trí điểm dừng, nhà chờ xe buýt tại các đường cong, khuất tầm nhìn, đoạn đường có mặt cắt hẹp;

đ) Mỗi điểm dừng xe buýt đều có số hiệu riêng và được thể hiện trên bản đồ để quản lý và thông tin cho hành khách đi xe buýt;

e) Vị trí sử dụng làm điểm dừng phải thích hợp với điều kiện thực tế của hệ phố và khu vực xung quanh, bảo đảm có không gian thông thoáng, mỹ quan, dễ quan sát và có lối đi trên hè cho khách bộ hành;

g) Mỗi điểm dừng trên trục đường chỉ được bố trí tối đa cho 10 tuyến xe buýt sử dụng chung làm điểm dừng đón, trả khách, trường hợp nhiều hơn phải tổ chức tách và bố trí thêm điểm dừng cho phù hợp với biểu đồ tuyến xe buýt qua điểm tạo thuận lợi, an toàn cho xe buýt và hành khách. Mỗi cụm điểm dừng bố trí tối đa 03 vị trí đón trả khách của xe buýt, khoảng cách giữa 2 điểm dừng phải cách nhau từ 15 đến 30 mét trong một cụm điểm dừng đón, trả khách, các trường hợp khác do Sở Giao thông vận tải quyết định.

3. Nhà chờ xe buýt

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT và khoản 7 Điều 1 Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT);

b) Nhà chờ xe buýt phải dành diện tích ít nhất 1,5m² để thể hiện thông tin xe buýt (không tính diện tích bảng phụ trong trường hợp nhà chờ có bảng phụ).

4. Thời gian tối đa khắc phục hư hỏng kể từ khi được phát hiện hoặc giao nhiệm vụ

a) Đối với điểm dừng, biển báo trên tuyến buýt: 5-7 ngày;

b) Đối với nhà chờ xe buýt: 10-15 ngày;

c) Trường hợp điểm dừng, nhà chờ, biển báo trên tuyến buýt bị sự cố (gãy đổ, xô lệch hoặc thiếu mất thông tin), phải khắc phục ngay trong ngày.

5. Việc di dời điểm dừng, nhà chờ xe buýt được thực hiện trong trường hợp để cải thiện chất lượng dịch vụ, do có sự thay đổi về tổ chức giao thông, do tổ chức lại mạng lưới xe buýt, điều chỉnh lộ trình tuyến xe buýt hoặc khi có kiến nghị hợp lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

6. Việc quảng cáo và tổ chức quảng cáo trên các điểm dừng, nhà chờ, điểm đầu cuối, điểm trung chuyển được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành. Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội được sử dụng nguồn thu từ quảng cáo theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu.

7. Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng liên quan để đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh cho các kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

8. Tại những vị trí điểm dừng, nhà chờ xe buýt, điểm đầu, cuối tuyến đủ điều kiện khuyến khích xây dựng lối lên xuống và các hạng mục công trình phụ trợ thuận tiện cho người khuyết tật sử dụng.

Điều 6. Phương tiện vận chuyển

1. Tiêu chuẩn xe buýt

a) Xe hoạt động trên tuyến phải là xe ô tô khách thành phố đảm bảo tiêu chuẩn theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô khách thành phố, đáp ứng đầy đủ các quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (sau đây gọi tắt là Nghị định số 10/2020/NĐ-CP) và Điều 29 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT;

b) Trên xe phải có đủ tay vịn (tay nắm) cho hành khách, phải dành tối thiểu 02 ghế cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ có thai, trên đó có ghi chữ “ghế ưu tiên” hoặc biểu trưng;

c) Xe buýt phải được kiểm tra bảo đảm an toàn kỹ thuật hàng ngày trước khi đưa vào hoạt động;

d) Xe buýt phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP và Điều 15 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT;

đ) Xe buýt phải lắp đặt camera giám sát trên xe theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP, Điều 8, 9, 10 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT và khoản 1 Điều 1 Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT;

e) Lắp đặt các thiết bị khác phục vụ công tác quản lý, điều hành và các dịch vụ tiện ích phục vụ hành khách;

g) Xe buýt phải được vệ sinh trước khi đưa ra vận hành trên tuyến.

2. Niêm yết thông tin trên xe buýt thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT và khoản 5, 6 Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT.

3. Được phép quảng cáo trên xe buýt tại những vị trí thích hợp và tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Điều 7. Vé xe buýt

1. Vé xe buýt gồm có vé giấy, thẻ vé, vé điện tử (bao gồm các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt).

2. Giá vé xe buýt của các tuyến buýt có trợ giá do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định ban hành. Hàng năm, Thành phố bố trí kinh phí cho công tác in ấn, phát hành vé xe buýt có trợ giá.

3. Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội có trách nhiệm quản lý, in ấn và phát hành vé xe buýt của các tuyến buýt có trợ giá theo quy định.

4. Vé và giá vé xe buýt của các tuyến buýt không trợ giá do đơn vị vận tải tự kê khai, in ấn, phát hành đúng quy định của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

5. Thẻ xe buýt miễn phí được phát hành cho các đối tượng là người có công, người khuyết tật, người cao tuổi, nhân khẩu hộ nghèo theo quy định của Thành phố dùng để đi lại miễn phí trên các tuyến xe buýt có trợ giá của Thành phố và do Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội cấp theo quy định. Đối với trẻ em dưới 6 tuổi, được đi xe buýt miễn phí không cần thẻ.

Điều 8. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt, nhân viên phục vụ tại nhà chờ xe buýt nhanh (BRT) và hành khách đi xe buýt

1. Tiêu chuẩn đối với lái xe buýt

a) Tiêu chuẩn về tuổi và hạng giấy phép lái xe buýt: đáp ứng theo quy định tại Luật Giao thông đường bộ, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

b) Tiêu chuẩn về sức khỏe: đáp ứng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;

c) Điều kiện về nhân thân: lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

d) Được cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành tập huấn nghiệp vụ vận tải và

an toàn giao thông cho lái xe theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

2. Tiêu chuẩn đối với nhân viên phục vụ trên xe buýt, nhân viên phục vụ tại nhà chờ xe buýt nhanh (BRT)

a) Đáp ứng tiêu chuẩn về sức khỏe và độ tuổi theo quy định hiện hành;

b) Được cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành tập huấn nghiệp vụ vận tải và an toàn giao thông cho nhân viên phục vụ trên xe theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

c) Yêu cầu về trình độ học vấn: tốt nghiệp từ trung học cơ sở trở lên.

3. Quyền hạn, trách nhiệm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt, nhân viên phục vụ tại nhà chờ xe buýt nhanh (BRT)

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT;

b) Được quyền từ chối phục vụ đối với hành khách sử dụng rượu, bia, chất kích thích, không làm chủ được hành động và có thái độ hành xử không đúng mực, văn minh, lịch sự; hành khách không mua vé hoặc không có thẻ vé tháng, thẻ miễn phí theo quy định.

4. Quyền hạn và trách nhiệm của hành khách đi xe buýt

a) Quyền hạn

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 3, 4, 5 Điều 37 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT;

Khi đi lại bằng xe buýt trên những tuyến xe buýt được Thành phố trợ giá, hành khách được thành phố hỗ trợ chi phí với giá vé phù hợp;

Yêu cầu nhân viên phục vụ trên xe buýt, nhân viên phục vụ tại nhà chờ đưa vé xe buýt khi đã trả tiền;

Được cung cấp miễn phí các thông tin về xe buýt;

Được yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất đối với những thiệt hại do lái xe hoặc nhân viên phục vụ trên xe buýt gây ra theo quy định của pháp luật;

Được yêu cầu xử lý và được công bố kết quả xử lý các khiếu nại về các hành vi vi phạm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe;

Được góp ý về những ưu, khuyết điểm trong quá trình đi xe buýt qua các kênh thông tin.

b) Trách nhiệm

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, 5 Điều 37 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT;

Giúp đỡ và nhường ghế ngồi trên xe buýt cho hành khách là người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai và trẻ em. Trường hợp hành khách vi phạm nội quy, làm thiệt hại đến người đi trên xe thì xử lý theo quy định pháp luật;

Giữ vệ sinh trên xe buýt và tại các điểm dừng, đỗ, nhà chờ xe buýt; không

mang theo những hàng bị cấm vận chuyên, hàng tanh hôi, lây nhiễm, gia súc, gia cầm, chất dễ cháy nổ.

Điều 9. Công tác đảm bảo an toàn giao thông trong hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Quy trình đảm bảo an toàn giao thông

a) Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển mới cho người lái xe, Bộ phận quản lý các điều kiện về an toàn giao thông tại các đơn vị vận tải hoặc cán bộ được phân công theo dõi an toàn giao thông tại các đơn vị vận tải (sau đây gọi chung là Bộ phận (cán bộ) quản lý an toàn giao thông) phải thực hiện các nhiệm vụ:

Hàng ngày, tổng hợp, phân tích các dữ liệu về hoạt động của từng phương tiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ vận chuyển thông qua thiết bị giám sát hành trình và qua các biện pháp quản lý khác của đơn vị để chấn chỉnh, nhắc nhở và xử lý các trường hợp vi phạm;

Tiếp nhận và giải quyết các đề xuất, phản ánh của người lái xe về các vấn đề liên quan đến an toàn giao thông;

Phối hợp với các bộ phận khác của đơn vị để tập hợp các phản ánh của hành khách, tìm hiểu và nắm bắt các điều kiện về tuyến đường vận chuyển và các nội dung khác có liên quan đến an toàn giao thông;


Phối hợp với Bộ phận khác của đơn vị để bố trí xe và người lái xe thực hiện nhiệm vụ vận chuyển đảm bảo thời gian người lái xe liên tục, thời gian làm việc trong ngày, thời gian nghỉ ngơi của người lái xe theo đúng quy định của Luật Giao thông đường bộ.

b) Trước khi thực hiện nhiệm vụ vận chuyển, người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải của đơn vị vận tải (sau đây viết tắt là người điều hành vận tải) hoặc cán bộ quản lý của đơn vị vận tải và người lái xe phải thực hiện các nội dung công việc như sau:

Kiểm tra giấy phép người lái xe; giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; giấy chứng nhận đăng ký xe; lệnh vận chuyển; các giấy tờ khác theo yêu cầu quản lý của đơn vị;

Thông báo trực tiếp hoặc qua phần mềm của đơn vị vận tải cho người lái xe các yêu cầu vận chuyển hành khách và các nội dung cần lưu ý để đảm bảo an toàn giao thông (nếu có);

Kiểm tra nồng độ cồn, chất ma túy đối với người lái xe (nếu đơn vị có trang bị thiết bị, dụng cụ kiểm tra).

c) Sau khi được giao nhiệm vụ và trước khi cho xe khởi hành, người lái xe được giao nhiệm vụ vận chuyển phải thực hiện kiểm tra đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật của phương tiện tối thiểu các nội dung chính gồm: kiểm tra thiết bị giám sát hành trình, camera lắp trên xe (đối với những xe bắt buộc phải lắp theo quy định) đảm bảo tình trạng hoạt động tốt; kiểm tra hệ thống lái; kiểm tra các bánh xe; kiểm tra hệ thống phanh; hệ thống đèn, còi; thông tin niêm yết trên xe. 

d) Trước khi cho xe khởi hành thực hiện nhiệm vụ vận chuyển, người lái xe nhận nhiệm vụ phải sử dụng thẻ nhận dạng người lái xe của mình để đăng nhập thông tin qua đầu đọc thẻ của thiết bị giám sát hành trình của xe.

đ) Khi xe đang hoạt động trên đường:

Bộ phận (cán bộ) quản lý an toàn giao thông hoặc người điều hành vận tải hoặc cán bộ quản lý do đơn vị phân công phải thực hiện các nhiệm vụ: theo dõi quá trình hoạt động của phương tiện và người lái xe trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ vận chuyển qua thiết bị giám sát hành trình; thực hiện nhắc nhở ngay đối với người lái xe khi phát hiện xe chạy quá tốc độ, quá thời gian người lái xe liên tục, quá thời gian làm việc trong ngày, hoạt động sai hành trình vận chuyển, thiết bị giám sát hành trình không có tín hiệu và các nguy cơ gây mất an toàn giao thông khác; tiếp nhận và đưa ra phương án xử lý khi xảy ra các sự cố gây mất an toàn giao thông. Các thông tin về việc chấn chỉnh, nhắc nhở khi người lái xe vi phạm phải được ghi chép hoặc cập nhật vào phần mềm của đơn vị để theo dõi;

Người lái xe phải chấp hành nghiêm các quy định về an toàn giao thông trong quá trình điều khiển phương tiện để vận chuyển hành khách, chấp hành quy định về thời gian người lái xe liên tục, thời gian làm việc trong ngày của người lái xe, quy định về tốc độ, hành trình chạy xe, thiết bị giám sát hành trình, camera (đối với loại phương tiện phải lắp) đảm bảo luôn hoạt động; báo cáo ngay thời gian, địa điểm và nguyên nhân khi xảy ra sự cố mất an toàn giao thông để đơn vị có biện pháp xử lý kịp thời.

e) Khi người lái xe kết thúc nhiệm vụ được giao hoặc kết thúc ca làm việc

Bộ phận (cán bộ) quản lý an toàn giao thông hoặc người điều hành vận tải hoặc cán bộ quản lý do đơn vị phân công phải thực hiện các nhiệm vụ: thống kê quãng đường phương tiện đã thực hiện làm căn cứ lập kế hoạch và thực hiện chế độ bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện đảm bảo theo đúng chu kỳ bảo dưỡng định kỳ; thống kê và theo dõi kết quả bảo dưỡng, sửa chữa của từng phương tiện; thống kê các lỗi vi phạm về tốc độ xe chạy, vi phạm về thời gian người lái xe liên tục, thời gian làm việc trong ngày, hoạt động sai hành trình vận chuyển, dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình bị gián đoạn; báo cáo lãnh đạo đơn vị xử lý theo quy chế; tổng hợp các sự cố mất an toàn giao thông trong quá trình xe hoạt động kinh doanh vận tải trên đường;

Người lái xe phải thực hiện các nhiệm vụ: phải sử dụng thẻ nhận dạng người lái xe của mình để đăng xuất thông tin qua đầu đọc thẻ của thiết bị giám sát hành trình của xe; sau khi kết thúc hành trình hoặc kết thúc ca làm việc, trước khi rời khỏi xe, người lái xe phải kiểm tra khoang hành khách để bảo đảm không còn hành khách ở trên xe.

g) Theo định kỳ tháng, quý, năm, Bộ phận (cán bộ) quản lý an toàn giao thông phải thực hiện các nhiệm vụ:

Thống kê số vụ, nguyên nhân, mức độ tai nạn giao thông đã xảy ra của từng người lái xe và của toàn đơn vị;

Xây dựng và thực hiện phương án xử lý khi xảy ra sự cố gây mất an toàn giao thông trong quá trình kinh doanh vận tải;

Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm đối với toàn bộ người lái xe của đơn vị sau khi xảy ra tai nạn giao thông từ nghiêm trọng trở lên trong quá trình kinh doanh vận tải;

Phối hợp với các bộ phận nghiệp vụ của đơn vị để tổ chức tập huấn nghiệp vụ vận tải và an toàn giao thông cho toàn bộ người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe (nếu có) của đơn vị theo quy định;

Lưu trữ hồ sơ, sổ sách ghi chép bằng bản giấy hoặc lưu trên phần mềm kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Thời gian lưu trữ tối thiểu 03 năm.

2. Quy trình đảm bảo an toàn giao thông đối với đơn vị vận tải: Đơn vị vận tải được lựa chọn thực hiện quy trình đảm bảo an toàn giao thông theo quy định tại điểm a hoặc điểm b dưới đây

a) Áp dụng, thực hiện đúng, đầy đủ nội dung theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 39001:2014 về Hệ thống quản lý an toàn giao thông đường bộ - Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng và phải đảm bảo phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP và quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Xây dựng và thực hiện đúng, đầy đủ quy trình bảo đảm an toàn giao thông theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP và quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Kiểm tra, theo dõi các điều kiện về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện; đôn đốc, theo dõi việc thực hiện chế độ kiểm định kỹ thuật và bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện; kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình trạng kỹ thuật phương tiện;

c) Quản lý, theo dõi các thông tin bắt buộc từ thiết bị giám sát hành trình của xe, thông tin hình ảnh từ camera lắp trên xe để kịp thời cảnh báo và ngăn chặn các hành vi vi phạm; sử dụng thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô, thông tin hình ảnh từ camera lắp trên xe phục vụ cho hoạt động quản lý của đơn vị và cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền những thông tin bắt buộc của từng xe ô tô khi có yêu cầu; theo dõi, đề xuất sửa chữa, thay thế kịp thời hư hỏng của thiết bị giám sát hành trình, của camera lắp trên xe; định kỳ tháng, quý, năm lập báo cáo các hành vi vi phạm của đội ngũ người lái xe thuộc đơn vị.

Điều 10. Quy trình mở mới tuyến xe buýt

1. Trên cơ sở kế hoạch phát triển phương tiện vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố 5 năm và định hướng những năm tiếp theo được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm

xây dựng và trình Ủy ban nhân dân Thành phố danh mục các tuyến xe buýt mở mới năm sau trước ngày 31/7 hàng năm đảm bảo nguyên tắc hạn chế tối đa việc trùng lặp giữa các tuyến trên cùng một hướng tuyến.

2. Sau khi Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt danh mục mở mới các tuyến xe buýt, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức triển khai các bước tiếp theo theo quy định.

3. Trường hợp thực hiện theo phương thức đặt hàng, triển khai công tác đặt hàng theo quy định. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm phê duyệt chỉ tiêu vận hành của tuyến buýt mở mới và dự kiến thời gian thực hiện để làm cơ sở xây dựng phương án đặt hàng.

4. Trường hợp thực hiện theo phương thức đấu thầu, triển khai các bước lựa chọn nhà thầu theo quy định. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm phê duyệt thiết kế kỹ thuật của tuyến buýt mở mới để làm cơ sở xây dựng dự toán hình thành giá gói thầu.

5. Sau khi Sở Giao thông vận tải phê duyệt phương án đặt hàng hoặc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm phê duyệt chỉ tiêu khai thác tuyến, công bố mở mới tuyến buýt có trợ giá hoặc không trợ giá theo quy định tại Điều 32 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

Điều 11. Trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Các đơn vị vận tải được hưởng chính sách trợ giá khi tham gia cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố theo quy định hiện hành.

2. Căn cứ số lượng các tuyến buýt có trợ giá đang hoạt động và dự kiến mở mới hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có), trên cơ sở đề xuất của Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm rà soát, đề xuất nhu cầu kinh phí chi trợ giá, gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

Điều 12. Đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Thẩm quyền quyết định phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

a) Việc lựa chọn phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (sau đây gọi tắt là Nghị định số 32/2019/NĐ-CP) và các quy định hiện hành của Thành phố.

b) Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Sở Giao thông vận tải quyết định phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách

công cộng bằng xe buýt theo quy định.

c) Hàng năm, Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội có trách nhiệm xây dựng phương án lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trình Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định.

2. Đấu thầu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

a) Thời gian thực hiện hợp đồng thầu là 5 năm (60 tháng) và được phân chia chi tiết thành từng năm làm cơ sở thanh, quyết toán theo niên độ ngân sách;

b) Trong trường hợp đấu thầu lại, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm chuẩn bị công tác đấu thầu trước 06 tháng và hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu để tiếp tục thực hiện gói thầu trước khi hết hạn hợp đồng thầu;

c) Trong trường hợp đấu thầu các tuyến buýt mở mới, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức đấu thầu và hoàn thành xong việc lựa chọn nhà thầu tối đa trước 03 tháng so với thời điểm đưa tuyến vào hoạt động để đảm bảo cho đơn vị trúng thầu có thời gian chuẩn bị các điều kiện cần thiết (phương tiện, nhân lực);

d) Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thực hiện theo Điều 21 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có), các văn bản pháp luật liên quan.

3. Đặt hàng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

a) Thời gian thực hiện đặt hàng tối đa là 12 tháng và phù hợp với niên độ ngân sách (kết thúc hết ngày 31/12 hàng năm);

b) Điều kiện đặt hàng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và các quy định hiện hành của Thành phố;

c) Căn cứ đặt hàng, nội dung hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thực hiện theo quy định tại các Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và các quy định hiện hành của Thành phố.


Điều 13. Kiểm tra, giám sát hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát

a) Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát và xử lý các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế, hợp đồng cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội theo chức năng, nhiệm vụ theo quy định;

b) Thanh tra Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội trong việc kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm hành chính liên quan đến hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định của pháp luật.

2. Lực lượng kiểm tra, giám sát

a) Lực lượng kiểm tra, giám sát của Trung tâm Quản lý giao thông công 

cộng thành phố Hà Nội được bố trí thành các Tổ kiểm tra, giám sát. Việc thành lập Tổ kiểm tra, giám sát được thực hiện theo quyết định của Giám đốc Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội;

b) Đơn vị vận tải có trách nhiệm thành lập tổ hoặc bộ phận kiểm tra, giám sát của đơn vị để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát nội bộ hoạt động của lái xe, nhân viên phục vụ trên các tuyến buýt do đơn vị khai thác;

c) Yêu cầu đối với lực lượng kiểm tra, giám sát của Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội:

Nắm vững và thực hiện đúng các quy định của Pháp luật về giao thông đường bộ, các quy định khác của pháp luật có liên quan;

Nắm vững Quy định về tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội và Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Khi tiếp xúc với hành khách, nhân viên của các đơn vị vận tải phải có thái độ tôn trọng, hòa nhã, ứng xử đúng mực, văn minh, lịch sự;

Thực hiện đúng, đầy đủ chức trách theo nhiệm vụ được phân công trong quá trình kiểm tra giám sát.

3. Hình thức, nội dung kiểm tra, giám sát và hành vi nghiêm cấm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát

a) Các hình thức kiểm tra, giám sát:

Kiểm tra, giám sát thường xuyên: được thực hiện hàng ngày;

Kiểm tra, giám sát đột xuất: được thực hiện trong các trường hợp: Có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật hoặc các quy định và điều khoản theo hợp đồng ký kết; Theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Giao thông vận tải và các cơ quan có thẩm quyền; Theo phản ánh của hành khách và cơ quan thông tin đại chúng qua đường dây nóng, đơn thư, đài báo,...; Những phát sinh xảy ra đối với hoạt động trên tuyến cần có sự kiểm tra và xác nhận của lực lượng kiểm tra giám sát;

Kiểm tra giám sát theo chuyên đề: Tập trung kiểm tra, giám sát một số nội dung cụ thể theo kế hoạch. Kiểm tra giám sát theo chuyên đề có sự phối hợp của Thanh tra giao thông vận tải, lực lượng kiểm tra giám sát của Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội và của các đơn vị vận tải. Số lượng các tuyến được kiểm tra giám sát theo chuyên đề có thể bao gồm một tuyến, một số tuyến hoặc tất cả các tuyến;

Kiểm tra giám sát thông qua các phần mềm, thiết bị quản lý phương tiện xe buýt (Thiết bị giám sát hành trình, camera giám sát,...).

b) Nội dung kiểm tra giám sát:

Kiểm tra việc chấp hành các quy định, quy chế hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt do Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Giao thông vận tải ban hành và các điều khoản trong hợp đồng

cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đã ký kết giữa đơn vị vận tải với Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội.

Lập biên bản và đề xuất xử lý trong trường hợp lái xe, nhân viên phục vụ trên xe, nhân viên phục vụ nhà chờ xe buýt nhanh (BRT), nhân viên chốt điều hành của đơn vị vận tải vi phạm các nội dung theo hợp đồng đã được ký kết (nếu có).

c) Hành vi nghiêm cấm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát

Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao, kiểm tra sai phạm vi, khu vực, tuyến được phân công;

Lập biên bản vi phạm thiếu khách quan, không đúng quy định;

Những nhiễu, tiêu cực hoặc thỏa thuận với người có hành vi vi phạm để không lập hoặc lập biên bản nhưng thay đổi nội dung vi phạm dưới mọi hình thức;

Nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt dưới bất kỳ hình thức nào;

Can thiệp trong quá trình nhân viên lập biên bản với các trường hợp vi phạm tại hiện trường để đề nghị không lập hoặc lập biên bản với lỗi vi phạm có mức độ nhẹ hơn (có lợi cho người vi phạm).

4. Quyền hạn và trách nhiệm của lực lượng kiểm tra, giám sát của Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội

a) Quyền hạn:

Được trang bị đồng phục và được cấp thẻ chức danh có họ, tên, ảnh và mã số;

Thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ và đột xuất trên tuyến xe buýt, tại các chốt điều hành, điểm đầu hoặc điểm cuối tuyến xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Yêu cầu đơn vị vận tải phối hợp trong công tác kiểm tra giám sát về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố và xác nhận các sự cố xảy ra trên tuyến do nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan;

Lập biên bản và đề xuất xử lý trong các trường hợp lái xe, nhân viên phục vụ trên xe, nhân viên phục vụ nhà chờ xe buýt nhanh (BRT), nhân viên chốt điều hành của đơn vị vận tải vi phạm các nội dung theo hợp đồng đã được ký kết.

b) Trách nhiệm:

Phải mặc đồng phục, đeo thẻ chức danh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (được phép mặc thường phục trong một số trường hợp kiểm tra, giám sát theo Kế hoạch riêng để đảm bảo tính hiệu quả của công tác kiểm tra giám sát);

Có mặt tại nơi được phân công đúng thời gian, địa điểm quy định;

Phải có thái độ văn minh, lịch sự trong khi thực hiện nhiệm vụ cũng như giao tiếp với hành khách, lái xe, nhân viên phục vụ, nghiêm cấm uống bia, rượu, sử dụng các chất kích thích và có các biểu hiện tiêu cực trong khi làm nhiệm vụ;

Trong khi làm nhiệm vụ phải tuân thủ theo Luật Giao thông đường bộ và các quy định của Nhà nước có liên quan, không làm ảnh hưởng, gián đoạn thời gian hoạt động của xe buýt và việc đi lại của hành khách trong quá trình kiểm tra, giám sát.

Điều 14. Nghiệm thu sản phẩm xe buýt

1. Nguyên tắc và căn cứ nghiệm thu

a) Nguyên tắc: Việc nghiệm thu sản phẩm dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được tiến hành hàng tháng, tổng hợp thành quý và năm theo quy định. Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị vận tải nghiệm thu sản phẩm xe buýt đã hoàn thành làm cơ sở cho việc quyết toán, thanh toán giá trị theo hợp đồng. Việc nghiệm thu sản phẩm dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải đảm bảo tính khách quan, trung thực, đúng, đủ theo khối lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ đã thực hiện;

b) Căn cứ nghiệm thu: Quyết định phê duyệt đặt hàng hoặc đấu thầu của cơ quan có thẩm quyền; Quyết định phê duyệt dự toán của Sở Giao thông vận tải; Hợp đồng giao nhận thầu, hợp đồng đặt hàng; Kết quả kiểm tra, giám sát dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trong tháng; Các Quyết định điều chỉnh lộ trình, các chỉ tiêu khai thác (tần suất, lượt xe, phương tiện,..) trong quá trình hoạt động của Sở Giao thông vận tải (nếu có).

2. Nội dung nghiệm thu bao gồm một số nội dung chủ yếu sau

a) Tổng số lượt xe thực hiện, lượt xe không thực hiện, lượt xe không thực hiện hết lộ trình (lượt xe quay đầu), lượt xe điều chỉnh lộ trình (nếu có);

b) Tổng km hành trình thực hiện (bao gồm cả km tuyến và km huy động);

c) Tổng số khách vận chuyển và doanh thu thực hiện (đối với nghiệm thu tháng là khách vé lượt và doanh thu vé lượt);

d) Tổng chi phí vận hành;

đ) Chất lượng phục vụ: phương tiện hoạt động trên tuyến, thái độ phục vụ của lái xe và nhân viên phục vụ, mức độ an toàn trên xe, vi phạm hợp đồng,...;

e) Các nội dung khác (nếu có).

3. Hồ sơ nghiệm thu bao gồm các tài liệu sau

a) Lệnh vận chuyển đã thực hiện. Lệnh vận chuyển phải phản ánh đầy đủ, chính xác các nội dung thực tế vận hành và phát sinh trong ngày theo từng lượt trong mỗi ca hoạt động. Về hình thức: không rách nát, tẩy xóa, ghi chép đầy đủ, rõ ràng theo nội dung quy định ở từng vị trí trên lệnh (trong trường hợp cần phải sửa chữa những sai lệch trong quá trình thực hiện thì việc sửa chữa phải có chữ ký xác nhận của lãnh đạo phụ trách công tác nghiệm thu tại đơn vị). Về nội dung: các nội dung ghi chép trên tờ lệnh đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ, chính xác;

b) Báo cáo nghiệm thu nội bộ của đơn vị vận tải;

c) Biểu theo dõi giờ xe chạy đối với những tuyến buýt thực hiện kiểm soát chốt giám sát chuyển lượt trên lệnh vận chuyển;

d) Biên bản tổng hợp các phát sinh trong quá trình vận hành (nếu có) đã được xác nhận giữa Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội và đơn vị vận tải (biên bản xác minh sự cố ảnh hưởng đến quá trình vận hành; biên bản xác nhận số lượt xe quay đầu; biên bản thay phương tiện không đúng định biên trên tuyến);

đ) Biên bản đối chiếu kết quả thực hiện hàng ngày của các tuyến buýt qua hệ thống giám sát hành trình (GPS) giữa Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội và đơn vị vận tải;

e) Báo cáo xử lý các vi phạm và chứng từ nộp tiền vi phạm hợp đồng của đơn vị vận tải (nếu có);

g) Báo cáo công tác điều hành xe buýt hàng tháng của đơn vị (bao gồm: báo cáo lượt xe không thực hiện (lượt xe bỏ), lượt xe quay đầu, lượt xe điều chỉnh lộ trình, lượt xe phải thay xe do phương tiện hỏng dọc đường);

h) Bảng tổng hợp các phản ánh của hành khách về thái độ phục vụ của lái xe và nhân viên bán vé trên các tuyến buýt hàng tháng (bao gồm: qua đơn thư, qua đường dây nóng, qua báo chí,...), tài liệu trích xuất từ camera giám sát trên xe buýt, văn bản giải trình của đơn vị (nếu có);

i) Bảng thống kê số vụ tai nạn, va chạm giao thông, tình hình an ninh trật tự trên các tuyến xe buýt hàng tháng của đơn vị vận tải (nếu có);

k) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

4. Nghiệm thu các trường hợp phát sinh

a) Đối với trường hợp bỏ lượt do hỏng xe, tắc đường và các nguyên nhân khách quan khác, yêu cầu phải có biên bản xác nhận sự cố kèm theo lệnh vận chuyển;

b) Đối với trường hợp đơn vị phải huy động, sử dụng phương tiện của tuyến này để chạy thay thế cho một số lượt của tuyến khác do các nguyên nhân khách quan và chủ quan, yêu cầu phải có biên bản xác nhận thay thế phương tiện trong đó nêu rõ nguyên nhân (biên bản hàng ngày và biên bản tổng hợp theo tháng) để kiểm tra xác nhận;

c) Đối với trường hợp xe phải điều chỉnh tạm thời lộ trình trong một thời gian ngắn do tổ chức giao thông chung của Thành phố, tổ chức sự kiện của địa phương, theo yêu cầu của cơ quan có chức năng..., yêu cầu phải có biên bản xác minh sự cố ảnh hưởng đến quá trình vận hành (thời gian, địa điểm, mức độ ảnh hưởng,...); biên bản khảo sát cự ly theo lộ trình điều chỉnh;

d) Đối với trường hợp xe không chạy hết lộ trình hoặc phải quay đầu do các nguyên nhân khách quan, yêu cầu phải có biên bản xác nhận số lượt xe quay đầu trong đó nêu rõ nguyên nhân (lượt xe quay đầu và cự ly thực hiện);

đ) Đối với trường hợp phải điều động xe tăng cường nhằm giải tỏa hành khách trong các ngày Lễ, Tết và sự kiện trong năm, yêu cầu phải có kế hoạch

huy động xe tăng cường giải tỏa hành khách do Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội xây dựng trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Sở Giao thông vận tải kèm theo báo cáo của Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội về kết quả huy động xe tăng cường, biên bản xác nhận các lượt xe tăng cường (trong biên bản phải nêu rõ biện pháp kiểm soát xe tăng cường, lái xe được điều động tăng cường, số lượt xe thực hiện tăng cường, số hành khách đã vận chuyển, lý do tăng cường và các căn cứ pháp lý liên quan);

e) Thực hiện kiểm tra, đối chiếu để xác nhận các lượt xe phát sinh trên qua thiết bị giám sát hành trình (GPS) hoặc các thiết bị công nghệ khác.

5. Thời gian tổ chức nghiệm thu

a) Đối với nghiệm thu tháng: trước ngày 10 hàng tháng, nghiệm thu sản phẩm xe buýt thực hiện của tháng trước đó;

b) Đối với nghiệm thu quý: trước ngày 15 của tháng đầu quý, nghiệm thu sản phẩm xe buýt thực hiện của quý trước đó;

c) Đối với nghiệm thu năm: trước ngày 20 của tháng 01 năm sau, nghiệm thu sản phẩm xe buýt thực hiện của năm trước đó.

Điều 15. Tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt

1. Tạm ứng kinh phí trợ giá xe buýt

a) Nguyên tắc tạm ứng: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước. Việc tạm ứng được thực hiện theo giá trị hợp đồng năm. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm phân chia giá trị gói thầu thành từng năm để thực hiện tạm ứng, thanh toán, quyết toán theo quy định;

b) Mức tạm ứng: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước. Mức tạm ứng tối đa không vượt quá 50% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết và không vượt quá dự toán năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho khoản chi đó.

2. Thanh toán tạm ứng: Việc thanh toán tạm ứng bắt đầu ngay từ lần thanh toán khối lượng hoàn thành đầu tiên của hợp đồng, mức thanh toán tạm ứng từng lần do Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội thống nhất với đơn vị vận tải và quy định cụ thể trong Hợp đồng, đảm bảo thanh toán hết khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá trị hợp đồng.

3. Quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt

a) Quy trình quyết toán:

Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội thực hiện quyết toán với đơn vị vận tải. Sở Giao thông vận tải xét duyệt quyết toán của Trung

tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội và gửi văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận quyết toán kèm theo thông báo duyệt quyết toán, hồ sơ quyết toán về Sở Tài chính để kiểm tra, xác nhận quyết toán;

Hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận quyết toán gửi Sở Tài chính chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng theo năm hoặc kết thúc năm ngân sách (đối với gói thầu có thời gian thực hiện trên một năm);

Thời gian Sở Tài chính kiểm tra, xác nhận quyết toán tối đa 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ quyết toán theo quy định.

b) Hồ sơ quyết toán gồm:

Văn bản đề nghị Sở Tài chính kiểm tra, xác nhận quyết toán;

Thông báo xét duyệt quyết toán của Sở Giao thông vận tải; báo cáo quyết toán của Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội;

Hồ sơ quyết toán gồm bản chính các tài liệu: quyết định phê duyệt lựa chọn nhà thầu; hợp đồng đặt hàng hoặc giao nhận thầu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và các phụ lục hợp đồng (nếu có); các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A-B); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có);

Các văn bản pháp lý có liên quan (bản chính hoặc bản sao y bản chính) và các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của Sở Tài chính phục vụ việc kiểm tra, xác nhận số liệu quyết toán.

c) Đối với các gói thầu có thời gian thực hiện trên một năm: thực hiện quyết toán theo niên độ ngân sách năm và năm cuối cùng thực hiện quyết toán năm và tổng hợp kinh phí gói thầu theo thời gian thực hiện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Sở Giao thông vận tải

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng buýt trên địa bàn Thành phố, có trách nhiệm sau:

a) Trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt: Danh mục các tuyến buýt mở mới; Danh mục mạng lưới tuyến xe buýt nội tỉnh và liên kết; Chủ trương đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng và quyết định đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách (hoặc các nguồn vốn khác) để xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định của pháp luật; Các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn đối với các tuyến có trợ giá; Giá vé và các

chính sách liên quan đến giá vé cho hoạt động xe buýt; Các chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với hành khách đi lại bằng xe buýt và đơn vị vận tải;

b) Quyết định mở tuyến mới, công bố mở mới tuyến xe buýt có trợ giá và tuyến xe buýt không trợ giá; Quyết định điều chỉnh một phần hoặc toàn bộ biểu đồ, hành trình chạy xe trên các tuyến xe buýt nội tỉnh khi có sự thay đổi về tổ chức giao thông dẫn đến phải thay đổi hành trình hoặc trong trường hợp thiên tai, bão lụt hoặc trong các trường hợp bất khả kháng khác hoặc theo đề nghị của đơn vị vận tải đang khai thác tuyến, đề nghị của người dân phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế tại từng thời điểm; Quyết định dừng hoạt động đối với các tuyến xe buýt không hiệu quả, đình chỉ khai thác tuyến xe buýt của đơn vị vận tải có hành vi vi phạm quy định hiện hành về hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; Quyết định đối với các vấn đề liên quan đến việc đóng, mở tuyến và các thông số hoạt động tuyến xe buýt liên kết;

c) Thống nhất với các Sở Giao thông vận tải có liên quan trong việc công bố mở, điều chỉnh, dừng hoạt động đối với các tuyến xe buýt liên kết;

d) Ban hành quy định về màu sơn xe buýt, về mẫu điểm dừng, nhà chờ xe buýt;

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội và các đơn vị vận tải chấp hành đúng các quy định về cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; quản lý và sử dụng kinh phí trợ giá đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và thực hiện thanh quyết toán theo quy định của Nhà nước;

e) Thẩm tra, phê duyệt dự toán, quyết toán trợ giá xe buýt theo quy định. Thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí thuê tư vấn lập hồ sơ đấu thầu khai thác tuyến xe buýt, dự toán chi phí duy tu, duy trì hạ tầng xe buýt;

g) Phê duyệt phương án đặt hàng, đặt hàng điều chỉnh đối với phương thức đặt hàng và phê duyệt dự toán hình thành giá gói thầu đối với phương thức đấu thầu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố;

h) Phê duyệt kế hoạch kiểm tra giám sát hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố theo chuyên đề;

i) Cấp phép lắp đặt hạ tầng xe buýt theo quy định;

k) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành chức năng và các đơn vị liên quan trong công tác tổ chức giao thông khu vực điểm dừng, nhà chờ xe buýt; điều chỉnh, di chuyển, thu hồi điểm dừng, nhà chờ xe buýt tại các vị trí chưa phù hợp, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, an toàn giao thông;

l) Chỉ đạo Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn và triển khai thực hiện “Bộ tiêu chí quản lý chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội” theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Kiểm tra, xác nhận số liệu quyết toán kinh phí đặt hàng, đấu thầu theo

quy định; hướng dẫn hạch toán theo Mục lục ngân sách và theo các quy định quản lý tài chính hiện hành;

b) Tham gia ý kiến đối với phương án đặt hàng, phương án đặt hàng điều chỉnh, dự toán hình thành giá gói thầu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố;

c) Trên cơ sở đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính thẩm định đơn giá dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan;

d) Trên cơ sở đề xuất của Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí kinh phí trợ giá xe buýt theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để phục vụ công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định;

b) Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí đủ vốn để đảm bảo nguồn kinh phí trợ giá thanh toán cho các đơn vị vận tải được Thành phố đặt hàng hoặc đấu thầu.

4. Kho bạc Nhà nước Hà Nội

Thực hiện việc kiểm soát chi, tạm ứng, thanh toán kịp thời theo quy định hiện hành và các quy định tại Quyết định này. Hết năm ngân sách xác nhận số kinh phí thanh toán trong năm của đơn vị sử dụng ngân sách theo biểu mẫu quy định.

5. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

a) Tuyên truyền, vận động người dân địa phương sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, bảo vệ hạ tầng xe buýt đặt trên địa bàn quản lý (điểm trung chuyển, điểm dừng, biển báo, nhà chờ);

b) Hỗ trợ và phối hợp với Sở Giao thông vận tải, lực lượng thanh tra giao thông trong việc xử lý các vi phạm xâm hại đến hạ tầng xe buýt;

c) Kiểm tra, xử lý theo phân cấp đối với các vi phạm, chiếm dụng, xâm hại hạ tầng xe buýt;

d) Phối hợp và hỗ trợ Sở Giao thông vận tải, Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội trong công tác duy tu, duy trì và phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Sở Giao thông vận tải

1. Thanh tra Sở Giao thông vận tải

a) Kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính người điều khiển xe buýt, nhân viên phục vụ trên xe buýt vi phạm quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường bộ và trật tự an toàn giao thông theo quy định của Luật Giao thông đường

bộ và các văn bản quy định khác;

b) Kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức chiếm dụng hạ tầng xe buýt (bán hàng rong, xe máy, ô-tô, xe rác, dừng, đỗ, tập kết sai quy định), quảng cáo rao vặt làm mất mỹ quan, chiếm dụng lòng đường hè phố gây khó khăn cho xe buýt ra vào điểm dừng đón trả khách, nguy hiểm cho hành khách lên xuống xe, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông;

c) Phối hợp, cử người tham gia đoàn kiểm tra, giám sát theo chuyên đề khi có đề nghị của Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội;

d) Thực hiện Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trong phạm vi quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải theo chức năng, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội

a) Xây dựng và thực hiện đề án, kế hoạch, nhiệm vụ phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố và vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tới các tỉnh liền kề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Bao gồm: phát triển, điều chỉnh mạng lưới, kết cấu hạ tầng và ứng dụng công nghệ tiên tiến, tiêu chí kỹ thuật, đơn giá, định mức, quy chế, cơ chế quản lý, cơ chế tài chính;

b) Quản lý và Điều hành hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố (tổ chức đấu thầu, đặt hàng, thương thảo, ký kết và quản lý các hợp đồng với các đơn vị cung ứng dịch vụ trong hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và quản lý chất lượng dịch vụ theo các quy định của pháp luật. Điều hành hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo vị trí, chức năng;

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát và xử lý các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế, hợp đồng cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố; Tổ chức nghiệm thu sản phẩm, khối lượng, chất lượng và giá trị hợp đồng đã ký kết với đơn vị cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; Thực hiện việc tạm ứng, thanh quyết toán kịp thời, theo đúng quy định;

d) Quản lý kỹ thuật, khai thác vận hành, duy tu bảo trì và sử dụng có hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố;

đ) Phát hành và quản lý hệ thống vé vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố (xây dựng, tham mưu chính sách vé, phân bổ vé, tổ chức in, ấn, phát hành vé xe buýt có trợ giá theo quy định hiện hành);

e) Tổng hợp, quản lý, khai thác dữ liệu về vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố;

g) Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được giao theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của nội dung hồ sơ tạm túng, thanh, quyết toán, khối lượng công việc được nghiệm thu và giá trị đề nghị Sở Giao thông vận tải phê duyệt dự toán, quyết toán và thanh toán kinh phí trợ giá từ ngân sách Nhà nước;

i) Lập kế hoạch nghiệm thu hàng tháng và thông báo tới các đơn vị cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố;

k) Tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo định kỳ;

l) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố theo chuyên đề trình Sở Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt đảm bảo tiết kiệm, chất lượng, hiệu quả;

m) Hướng dẫn và triển khai thực hiện “Bộ tiêu chí quản lý chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội” theo quy định.

Điều 18. Quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị vận tải

Ngoài các quy định tại Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ và Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ Giao thông vận tải, đơn vị vận tải có các trách nhiệm và quyền hạn sau:

1. Quyền hạn

a) Được tham gia đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt do Thành phố tổ chức;

b) Được đảm bảo các điều kiện hoạt động trên tuyến như kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và các thông tin trên các kết cấu này;

c) Được quyền khiếu nại bằng văn bản các quyết định xử lý vi phạm hợp đồng đặt hàng, hợp đồng giao nhận thầu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội;

d) Được quyền từ chối vận chuyển đối với hành khách cố tình vi phạm nội quy đi xe buýt;

đ) Được đề xuất điều chỉnh thay đổi về lộ trình, chỉ tiêu vận hành, thời gian biểu chạy xe,... phù hợp với yêu cầu vận hành;

e) Được hưởng các quyền lợi trong chính sách ưu đãi chung của Thành phố đối với hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt khi tham gia khai thác tuyến xe buýt đồng thời phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định; Tham gia góp ý, xây dựng và đề xuất các cơ chế chính sách về hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

2. Trách nhiệm

a) Đăng ký tham gia hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định;

b) Tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về vận chuyển hành khách bằng xe ô tô, về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị của Luật Giao thông đường bộ. Chịu trách nhiệm chính về đảm bảo chất lượng vận chuyển cho hành khách theo các điều khoản của hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng đã ký kết. Chịu trách nhiệm nếu phương tiện, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe của đơn vị vận tải vi phạm các quy định về hoạt động xe buýt;

c) Người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải của đơn vị vận tải phải đảm bảo các điều kiện theo quy định;

d) Phổ biến, hướng dẫn và thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt thực hiện đúng nội quy khai thác tuyến xe buýt. Cử nhân viên điều hành để đảm bảo hoạt động tuyến. Đăng ký mẫu thẻ tên và đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe theo quy định;

đ) Khi tuyến dụng, tiếp nhận lái xe buýt mới, nhân viên phục vụ trên xe buýt phải căn cứ các tiêu chuẩn tại Điều 8 Quy định này để xét tuyển. Sau khi tuyển dụng phải ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động;

e) Không được bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt chưa qua đào tạo hoặc chưa có giấy chứng nhận tập huấn và không đảm bảo sức khỏe theo quy định. Trường hợp do khách quan như giấy chứng nhận cấp chậm, chưa có lớp đào tạo, đơn vị vận tải phải báo cáo danh sách nhân viên phục vụ trên xe buýt cho Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng biết và chưa xử lý các trường hợp này;

g) Thực hiện chế độ báo cáo tình hình hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo định kỳ;

h) Phát hiện và báo kịp thời cho Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội về tình trạng hư hỏng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, về tình hình an ninh trật tự trên tuyến;

i) Quản lý và sử dụng đúng quy định của Nhà nước số tiền trợ giá, phối hợp với Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội quyết toán trợ giá theo đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo quyết toán;

k) Tiếp nhận các phản ánh góp ý của hành khách và người dân, chủ động giải quyết hoặc báo cáo các cơ quan chức năng giải quyết theo chức năng, thẩm quyền;

l) Lập kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông trong hoạt động vận tải của đơn vị, thực hiện việc kiểm tra, giám sát, thống kê, phân tích và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch;

m) Lắp đặt, quản lý, khai thác thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, camera giám sát của xe theo quy định;

n) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ vận tải và an toàn giao thông 

cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe, nhân viên phục vụ nhà chờ xe buýt nhanh BRT theo quy định;

o) Cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, camera giám sát cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu;

p) Phối hợp với đơn vị chức năng, Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội trong việc điều hành xe buýt;

q) Chịu trách nhiệm thanh toán, cấp phát các khoản tiền trợ giá theo đúng đối tượng và thời gian quy định tại đơn vị và giải quyết mọi khiếu nại, tố cáo có liên quan theo quy định;

r) Căn cứ vào biểu đồ chạy xe được duyệt để bố trí đủ số lượng, đúng loại xe theo quy định; xe buýt phải chạy đúng giờ, dừng đúng điểm dừng, nhà chờ trên lộ trình tuyến đi qua;

s) Tự đánh giá và có chế độ báo cáo định kỳ với Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội, Sở Giao thông vận tải Hà Nội các tiêu chí theo quy định của “Bộ tiêu chí quản lý chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

Điều 19. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Khen thưởng: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị vận tải, cá nhân có đóng góp tích cực vào sự phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, thu hút được người dân đi xe buýt, tăng số lượng hành khách vận chuyển thì được khen thưởng theo quy định của Nhà nước. Nguồn kinh phí thực hiện được sử dụng từ nguồn thu trích để lại từ xử phạt vi phạm hợp đồng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố.

2. Xử lý vi phạm

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không thực hiện đủ, đúng nhiệm vụ được quy định tại Quy định này sẽ bị xử lý theo Luật cán bộ, công chức, Luật Viên chức và Bộ Luật Lao động;

b) Các tổ chức, cá nhân vi phạm về kiểm tra giám sát hoặc lợi dụng kiểm tra giám sát để vụ lợi, sách nhiễu, gây phiền hà cho đơn vị vận tải sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Trong quá trình thực hiện, nếu các đơn vị vận tải không chấp hành đầy đủ các điều khoản của Hợp đồng đã ký kết với cơ quan có thẩm quyền, không đảm bảo thời gian nghiệm thu, lập quyết toán theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thông báo cho Kho bạc Nhà nước Thành phố biết và tạm thời không cấp kinh phí tạm ứng, thanh toán cho đơn vị. Trường hợp sau khi được Sở Giao thông vận tải nhắc nhở, đôn đốc mà các đơn vị cung cấp dịch vụ vẫn không chấp hành, kéo dài việc nghiệm thu, quyết toán, cố ý làm sai lệch hồ sơ, số liệu quyết toán hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy định của Nhà nước, Thành phố về đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tổng hợp, thống nhất với Sở

Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật và quyết định chấm dứt hiệu lực thi hành của Quyết định đặt hàng, đấu thầu với đơn vị vận tải;

d) Hành khách vi phạm nội quy đi xe buýt thì bị xử lý, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Quy định này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./. 